

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**TCVN 10452:2014
ISO 16131:2012**

Xuất bản lần 1

**DA – CÁC ĐẶC TÍNH CỦA DA BỌC ĐỆM –
LỰA CHỌN DA CHO ĐỒ NỘI THẤT**

*Leather – Upholstery leather characteristics –
Selection of leather for furniture*

HÀ NỘI – 2014

Lời nói đầu

TCVN 10452:2014 hoàn toàn tương đương với ISO 16131:2012

TCVN 10452:2014 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 120 *Sản phẩm da* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

|

Da – Các đặc tính của da bọc đệm –

Lựa chọn da cho đồ nội thất

Leather – Upholstery leather characteristics – Selection of leather for furniture

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định cách lấy mẫu và phương pháp thử, và đưa ra các giá trị khuyến nghị cho da bọc đệm dùng cho đồ nội thất.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 7115 (ISO 2419), *Da – Phép thử cơ lý – Chuẩn bị và ổn định mẫu*

TCVN 7116 (ISO 2588), *Da – Lấy mẫu – Số các mẫu đơn cho một mẫu tổng*

TCVN 7117 (ISO 2418), *Da – Phép thử hóa học, cơ lý và độ bền màu - Vị trí lấy mẫu*

TCVN 7122-1 (ISO 3377-1), *Da – Phép thử cơ lý – Xác định độ bền xé – Phần 1: Xé một cạnh.*

TCVN 7126 (ISO 4044), *Da – Phép thử hóa học – Chuẩn bị mẫu thử hóa.*

TCVN 7127 (ISO 4045), *Da – Phép thử hóa học – Xác định pH.*

TCVN 7130 (ISO 11640), *Da – Phương pháp xác định độ bền màu – Độ bền màu với các chu kỳ chà xát qua lại.*

TCVN 10053 (ISO 11641), *Da – Phép thử độ bền màu – Độ bền màu với mồ hôi*

TCVN 10450 (ISO 11644), *Da – Phép thử độ kết dính của lớp trau chuốt*

TCVN 10057 (ISO 15700), *Da- Phép thử độ bền màu – Độ bền màu với đốm nước*

TCVN 10459 (ISO 17233), *Da – Phép thử cơ lý – Xác định nhiệt độ rạn nứt lạnh của lớp phủ bề mặt*

ISO 5402 -1, *Leather -- Determination of flex resistance -- Part 1: Flexometer method* (Da – Phép thử cơ lý – Phần 1: Xác định độ bền uốn gấp bằng máy uốn gấp)

ISO 8191-1, *Furniture - Assessment of the ignitability of upholstered furniture - Part 1: Ignition source: smouldering cigarette* (Đồ nội thất – Đánh giá khả năng bắt cháy của lớp phủ đồ nội thất – Phần 1: Nguồn bắt cháy: Thuốc lá đang cháy)

ISO 8191-2, *Furniture - Assessment of ignitability of upholstered furniture - Part 2: Ignition source: match-flame equivalent* (Đồ nội thất – Đánh giá khả năng bắt cháy của lớp phủ đồ nội thất – Phần 2: Nguồn bắt cháy: Dụng cụ đánh lửa)

ISO 105-B02, *Textiles -- Tests for colour fastness -- Part B02: Colour fastness to artificial light: Xenon arc fading lamp test* (Vật liệu dệt – Phép thử độ bền màu – Phần B02: Độ bền màu với ánh sáng nhân tạo: Phép thử với đèn hồ quang xenon).

3 Nguyên tắc chung

Tiêu chuẩn này xem xét tính năng của các loại da khác nhau dùng để bọc đệm. Các đặc tính, giá trị khuyến nghị và phương pháp thử được qui định trong Bảng A.1, A.2 và A.3. Các đặc tính phụ trợ được qui định trong Bảng A.4.

4 Lấy mẫu

4.1 Nếu có thể, vị trí lấy mẫu và nhận biết mẫu phòng thí nghiệm phải phù hợp với TCVN 7117 (ISO 2418).

4.2 Số lượng các mẫu được thử phải theo thỏa thuận của các bên liên quan ngoại trừ trường hợp tranh chấp thì số lượng mẫu phải phù hợp với TCVN 7116 (ISO 2588). Nếu kích cỡ lô da lớn, thì số lượng mẫu lớn nhất là năm.

5 Điều hòa và chuẩn bị mẫu

Mẫu da để thử tính chất vật lý, cơ học và độ bền màu phải được điều hòa và chuẩn bị theo TCVN 7115 (ISO 2419).

Mẫu da để thử hóa phải được điều hòa và chuẩn bị theo TCVN 7126 (ISO 4044).

6 Đặc tính, phương pháp thử và giá trị được khuyến nghị

Các đặc tính cơ bản được qui định trong Bảng A.1, A.2 và A.3 phải được tính đến, thậm chí nếu chúng có thể có mức độ quan trọng tương đối khác nhau trong quá trình đánh giá liên quan đến việc sử dụng. Các đặc tính phụ trợ trong Bảng A.4 phải theo thỏa thuận của các bên liên quan tùy theo mục đích sử dụng của da.

7 Báo cáo thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm phải ít nhất bao gồm các thông tin sau:

- a) viện dẫn tiêu chuẩn này;
- b) tất cả các thông tin cần thiết để nhận biết đầy đủ mẫu thử;
- c) phương pháp lấy mẫu đã sử dụng, nếu có yêu cầu;
- d) ngày và nơi thử;
- e) kết quả thử và số lượng mẫu thử;
- f) môi trường điều hòa và thử nghiệm được sử dụng;
- g) bất kỳ sai khác nào so với tiêu chuẩn này.

Phụ lục A

(qui định)

Tiêu chí lựa chọn da bọc đệm dùng cho đồ nội thất**A.1 Các đặc tính cơ bản, các giá trị được khuyến nghị, và các phương pháp thử cho da bọc đệm dùng cho đồ nội thất**

Xem Bảng A.1 đến Bảng A.3.

Bảng A.1 – Da anilin, da nhung và da nubuck

Đặc tính da	Giá trị khuyến nghị	Phương pháp thử
Độ bền màu với	Sự thay đổi màu sắc của da và sự đây màu của miếng thử kèm	
- chà xát qua lại, làm khô, 50 chu kỳ, thang xám	≥3	TCVN 7130 (ISO 11640)
- chà xát qua lại, làm ướt, 20 chu kỳ, thang xám	≥3	TCVN 7130 (ISO 11640)
- mờ hôi, 20 chu kỳ, thang xám	≥3	TCVN 10053 (ISO 11641) (Trong đó dung dịch mờ hôi được xác định)
	Đây là các giá trị mong đợi điển hình, là các giá trị thích hợp để cung cấp các hướng dẫn phù hợp về đồ nội thất được bọc da để cung cấp cho người tiêu dùng cách sử dụng đúng cũng như việc giữ gìn trong khi sử dụng và các hướng dẫn bảo dưỡng để tránh các vấn đề không cần thiết.	
Độ bền màu với		
- ánh sáng, thang xanh	≥ 3	ISO 105-B02
pH của dịch chiết nước	≥ 3,2	TCVN 7127 (ISO 4045)
nếu giá trị pH nhỏ hơn 4, ΔpH	≤ 0,7	
Độ bền xé, N	≥ 20	TCVN 7122-1 (ISO 3377-1)

Bảng A.2 – Da semi anilin

Đặc tính của da	Giá trị khuyến nghị	Phương pháp thử
Độ bền màu với - chà xát qua lại, làm khô, 500 chu kỳ, thang xám - chà xát qua lại, làm ướt, 80 chu kỳ, thang xám - mờ hôi, 50 chu kỳ, thang xám	Sự thay đổi màu sắc của da và sự dãn màu của miếng thử kèm ≥ 4	TCVN 7130 (ISO 11640)
	 $3 \text{ đến } 4$	TCVN 7130 (ISO 11640)
	$3 \text{ đến } 4$	TCVN 10053 (ISO 11641) Trong đó dung dịch mờ hôi được xác định
	Đây là các giá trị mong đợi điển hình, là các giá trị thích hợp để cung cấp các hướng dẫn phù hợp về đồ nội thất được bọc da để cung cấp cho người tiêu dùng cách sử dụng đúng cũng như việc giữ gìn trong sử dụng và các hướng dẫn bảo dưỡng để tránh các vấn đề không cần thiết.	
Độ bền màu với - ánh sáng, thang xanh	≥ 4	ISO 105-B02
độ kết dính lớp trau chuốt, khô, N/10 mm	≥ 2	TCVN 10450 (ISO 11644)
pH của dịch chiết nước	$\geq 3,2$	TCVN 7127 (ISO 4045)
nếu giá trị pH nhỏ hơn 4, ΔpH	$\leq 0,7$	
Độ bền xé, N	≥ 20	TCVN 7122-1 (ISO 3377-1)

Bảng A.3 – Da trau chuốt pigment

Đặc tính của da	Giá trị khuyến nghị	Phương pháp thử
Độ bền màu với - chà xát qua lại, làm khô, 500 chu kỳ, thang xám - chà xát qua lại, làm ướt, 250 chu kỳ, thang xám - mồ hôi, 80 chu kỳ, thang xám	Sự thay đổi màu sắc của da và sự dãn màu của miếng thử kèm ≥ 4	TCVN 7130 (ISO 11640)
	$3 \text{ đến } 4$	TCVN 7130 (ISO 11640)
	$3 \text{ đến } 4$	TCVN 10053 (ISO 11641) Trong đó dung dịch mồ hôi được xác định
	Đây là các giá trị mong đợi điển hình, là các giá trị thích hợp để cung cấp các hướng dẫn phù hợp về đồ nội thất được bọc da để cung cấp cho người tiêu dùng cách sử dụng đúng cũng như việc giữ gìn trong sử dụng và các hướng dẫn bảo dưỡng để tránh các vấn đề không cần thiết.	
Độ bền màu với - ánh sáng, thang xanh	≥ 5	ISO 105-B02
Kết dính lớp trau chuốt, khô, N/10 mm	≥ 2	TCVN 10450 (ISO 11644)
Độ bền uốn	$\geq 50\,000$ chu kỳ (không có vết rạn nứt hư hại lớp trau chuốt)	ISO 5402-1
pH của dịch chiết nước nếu giá trị pH nhỏ hơn 4, ΔpH	$\geq 3,2$ $\leq 0,7$	TCVN 7127 (ISO 4045)
Độ bền xé, N	≥ 20	TCVN 7122-1 (ISO 3377-1)

A.2 Các đặc tính phụ trợ, các giá trị khuyến nghị và phương pháp thử cho da bọc đệm dùng cho đồ nội thất

Xem Bảng A.4

Bảng A.4 – Tất cả các loại da

Đặc tính của da	Giá trị khuyến nghị	Phương pháp thử
Tính bất cháy	Đạt	ISO 8191-1 và ISO 8191-2 Không làm ướt
Độ bền với rạn nứt lạnh của lớp trau chuốt, - 15°C	Không bị rạn nứt	TCVN 10459 (ISO 17233)
Độ bền màu với đốm nước, thang xám	≥ 3 Không bị phồng rộp vĩnh viễn	TCVN 10057 (ISO 15700)